

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/202/HNGĐ-ST  
Ngày 17 tháng 5 năm 2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng
2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang.

Trong ngày 17/5/2022, tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc Minh C, sinh năm 1979

HKTT và nơi ở: Thôn Hải D, xã L, huyện Đ, tỉnh L

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982

HKTT và nơi ở: Số 25, ngõ 50, đường C, tổ 5, phường T, thành phố B, tỉnh G.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là Anh Nguyễn Quốc Minh C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007 anh và chị N đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh L. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống cùng nhau. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng nhận thấy không thể hòa hợp và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên khi giải quyết một vấn đề chung trong gia đình thì vợ chồng không thể giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2011 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh

03/02/2009, hiện đang ở cùng chị N Khi ly hôn anh để chị N nuôi cháu Minh. Vấn đề cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007, chị kết hôn với anh C trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh L. Thời gian đó chị và anh C đều làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, hai vợ chồng thuê nhà để đi làm. Giữa năm 2008 chị có thai và đầu năm 2009 chị sinh con là Nguyễn Nhật M. Trong thời gian mang thai và nuôi con nhỏ chị nghỉ việc ở Công ty và ở nhà trông con. Trong thời gian đó do áp lực cuộc sống, công việc và nuôi con nhỏ nên hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân và năm 2011 chị về quê ở Bắc Giang sống với mẹ đẻ. Trong thời gian từ năm 2011 đến nay chị và anh C xác định không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên không liên hệ, chỉ nói chuyện qua điện thoại về con chung. Nay anh C yêu cầu ly hôn chị đồng ý vì chị và anh C đã sống ly thân từ rất lâu, tình cảm không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh 03/02/2009, hiện đang ở với chị. Khi vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2022, cháu Nguyễn Nhật M là con chung của anh C, chị N trình bày:* Hiện nay cháu Minh đang học lớp 7A4 tại Trường trung học cơ sở H, thành phố B, tỉnh G và đang ở cùng mẹ tại thành phố Bắc Giang. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở cùng với mẹ vì từ nhỏ cháu đã sống cùng mẹ.

*Tại biên bản làm việc ngày 26/4/2022, chính quyền địa phương nơi chị N sinh sống cung cấp:* chị N và anh C có thời gian sinh sống tại tổ 5, phường H, thành phố B, tỉnh G. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được, hiện nay chị N và anh C không còn chung sống với nhau.

*Tại phiên tòa:*

Anh C, chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

- + Anh Nguyễn Quốc Minh C được ly hôn Chị Nguyễn Thị N.
- + Về nuôi con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nhật M, sinh 03/02/2009. Sau khi ly hôn, anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
- + Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[2.1] Anh Nguyễn Quốc Minh C và Chị Nguyễn Thị N kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh L được UBND xã Lạc Lâm cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, anh C, chị N đều trình bày do vợ chồng mâu thuẫn nên đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau từ năm 2011 đến nay. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi chị N sinh sống thì anh C, chị N có mâu thuẫn và hiện không sống cùng nhau.

[2.2] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh C, chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C đề nghị ly hôn, chị N đồng ý. Do vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh C được ly hôn chị N.

[3] Về nuôi con chung: Anh C, chị N có một con chung là Nguyễn Nhật M hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Minh, anh C đồng ý. Điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc Minh C được ly hôn Chị Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nhật M, sinh 03/02/2009. Sau khi ly hôn, anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Minh C phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số 0001458 ngày 07/4/2022. Xác nhận anh C đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tp Bắc Giang;
- CCTHADS Tp Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh L;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Thị Luyện**